CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn

Ngày 31/12/2025	59,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**-4.4%**	**-5.5%**

DT thuần
Q4/25
356
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.00| 1.4%
YoY: ▼34.0| -8.8%

LN thuần
Q4/25
58.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.20| 5.7%
YoY: ▼46.1| -43.9%

LN sau thuế
Q4/25
47.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 9.2%
YoY: ▼37.3| -44.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
19.9%
YoY: +/-▼ 4.5%

ROE
2025
16.2%
YoY: +/-▼ 8.3%

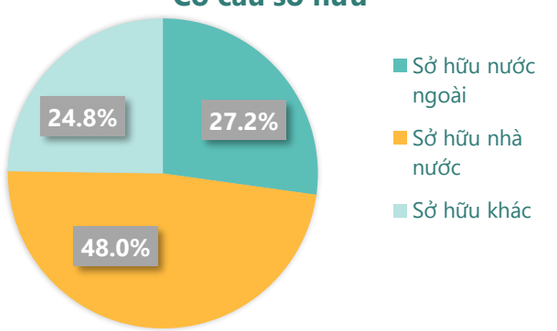
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	57,900 - 98,143
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,986
Số lượng CPLH (CP)	33,498,591
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,000
Sở hữu nước ngoài	27.2%
Beta	0.26
EPS	6,215
P/E	9.5

DT thuần
2025
1,481
tỷ VNĐ
YoY: ▼37.0| -2.5%

LN thuần
2025
293
tỷ VNĐ
YoY: ▼76.0| -20.5%

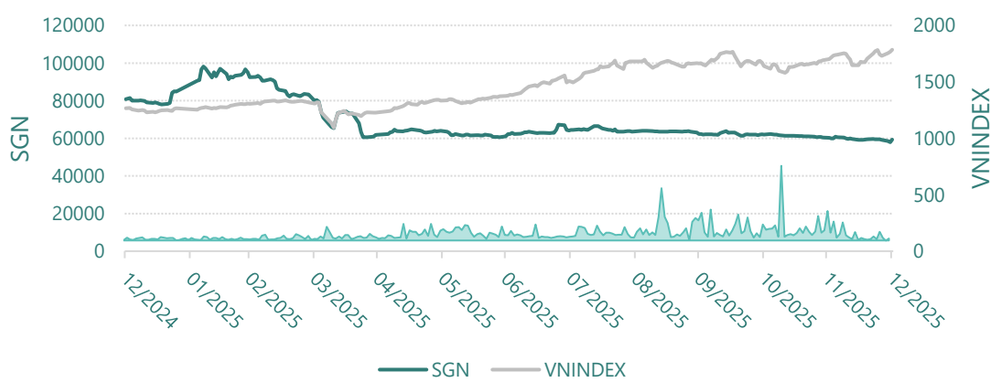
LN sau thuế
2025
232
tỷ VNĐ
YoY: ▼64.0| -21.6%

Cơ cấu sở hữu

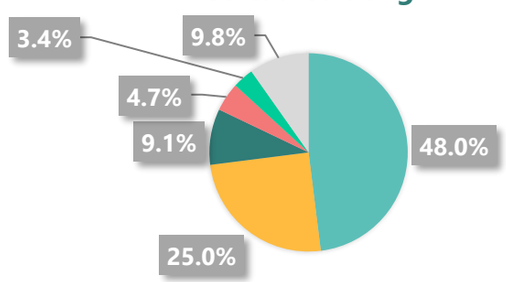


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

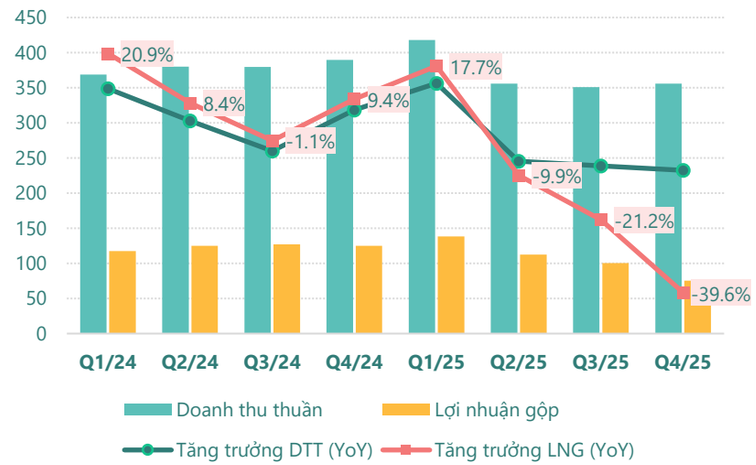


- Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
- America LLC
- CTCP Hàng không VIETJET
- CTCP Kinh doanh Địa Ốc Him Lam
- Andbanc Investments Sif - Vietnam Value and Income Portfolio

(Nguồn: fireant.vn)

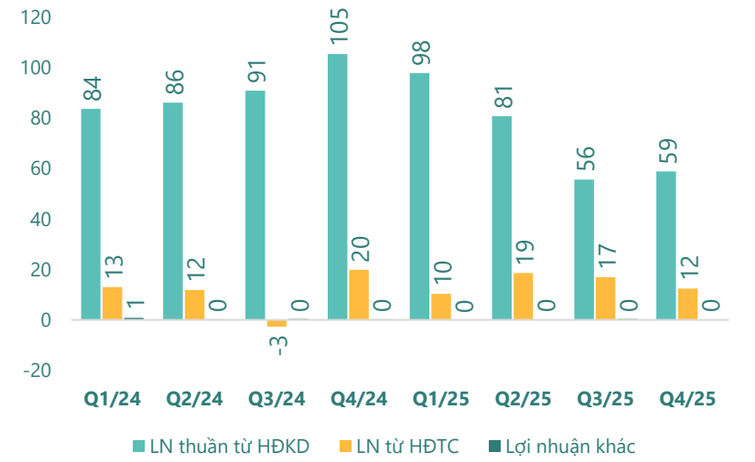
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



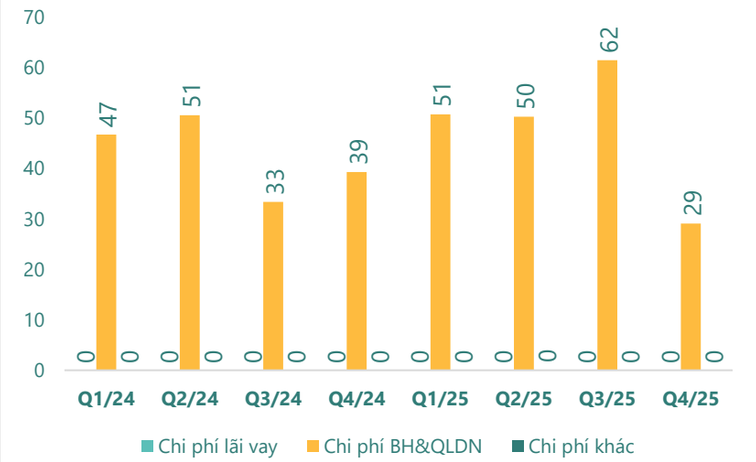
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



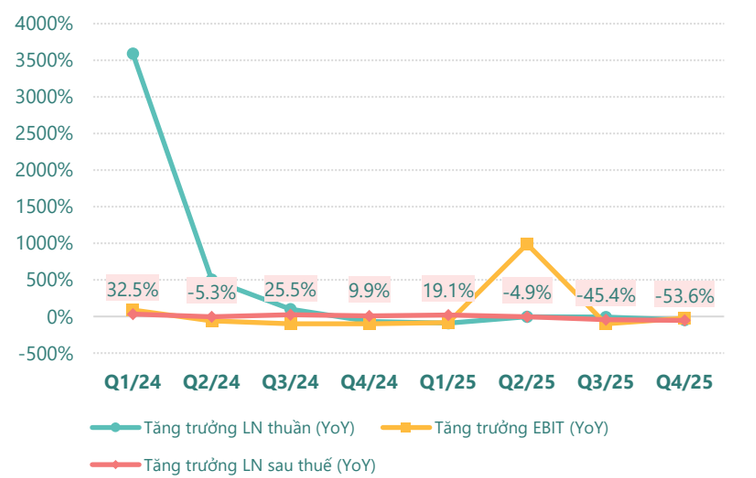
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



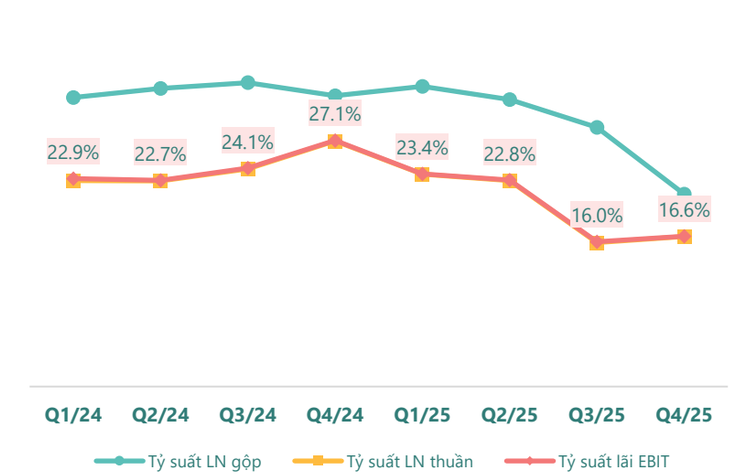
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



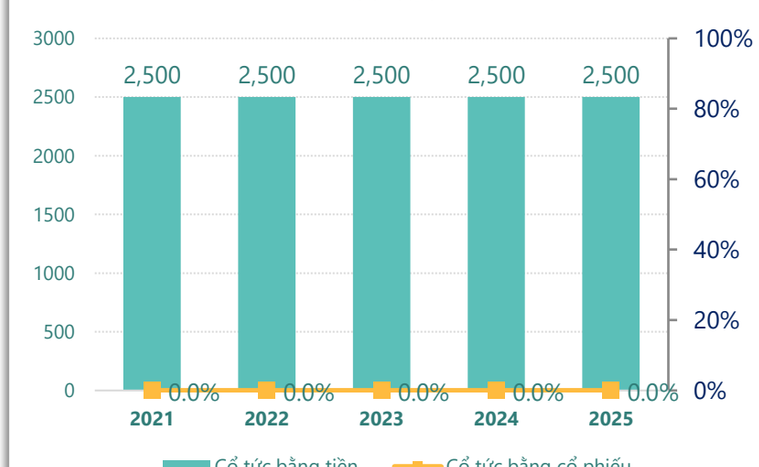
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

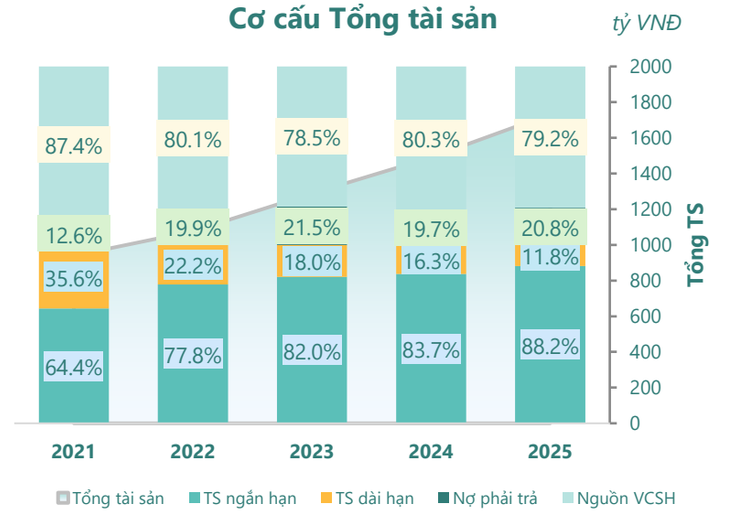
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

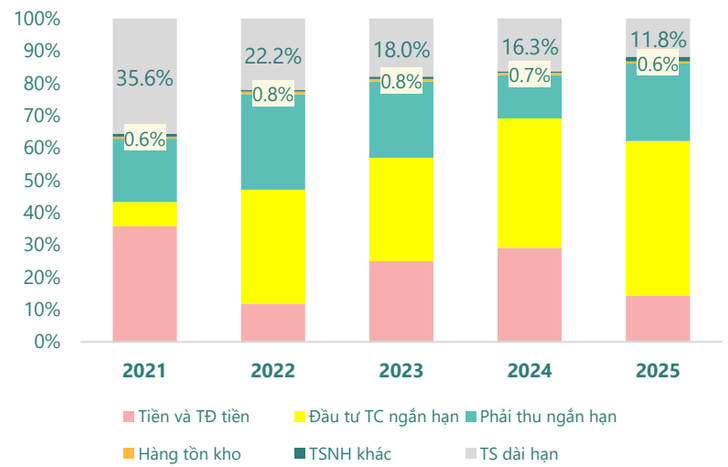
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



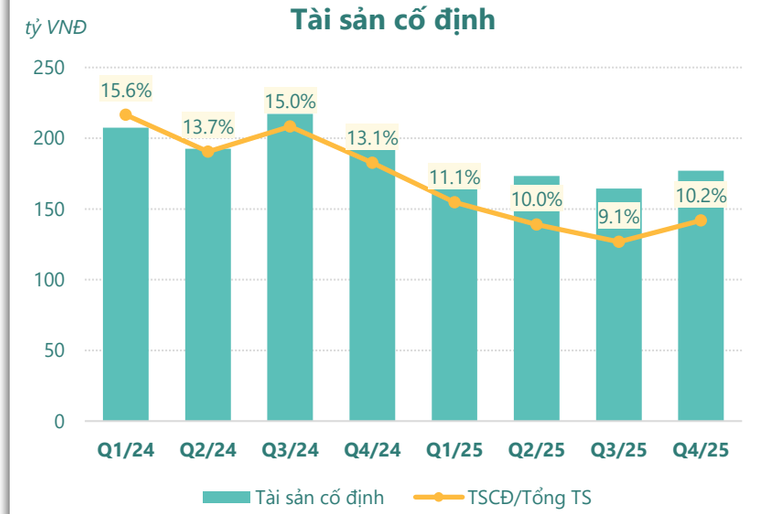
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



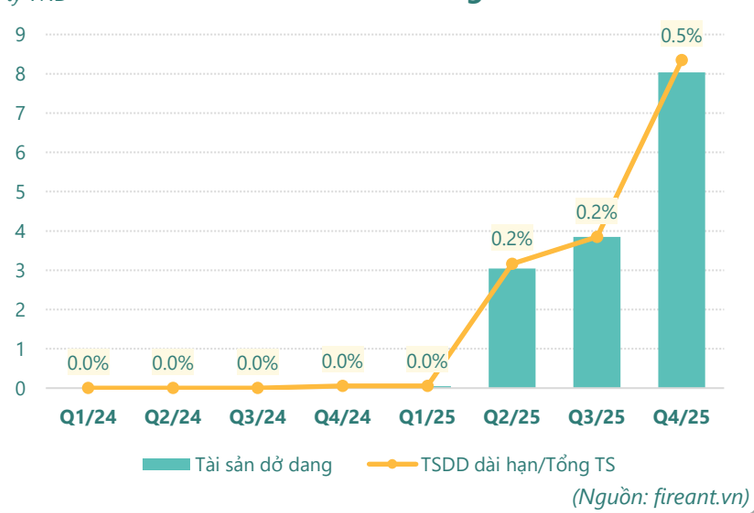
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



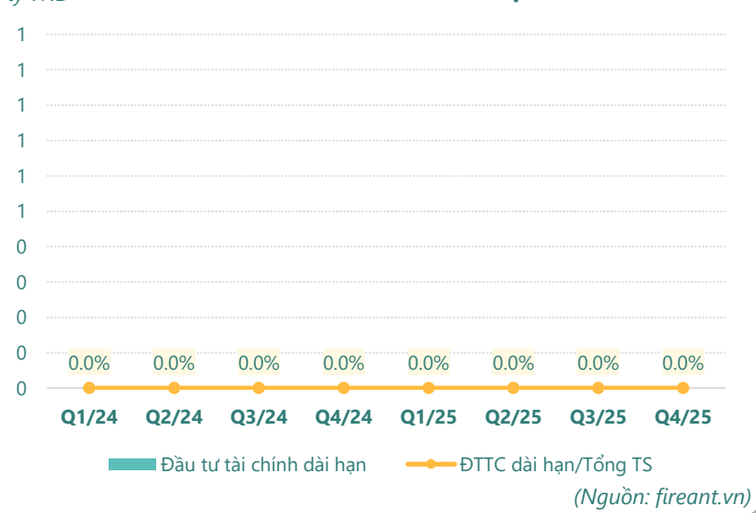
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



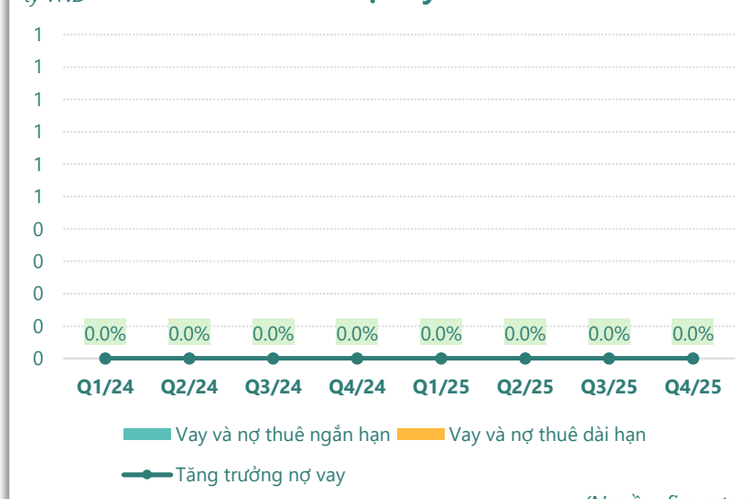
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

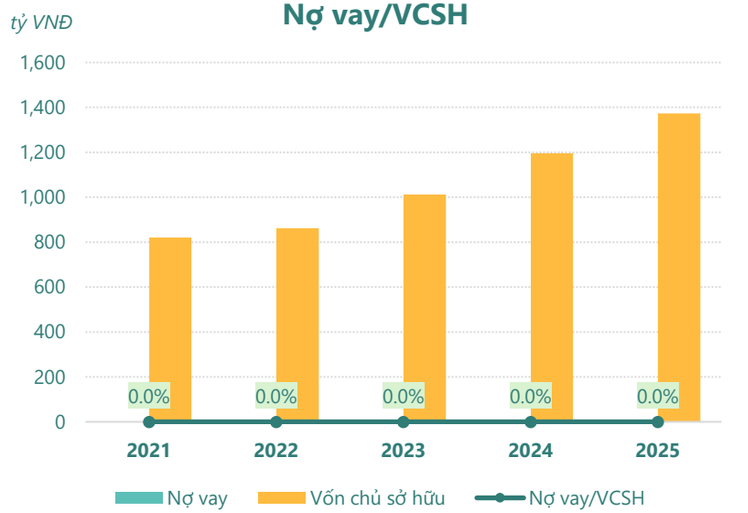
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

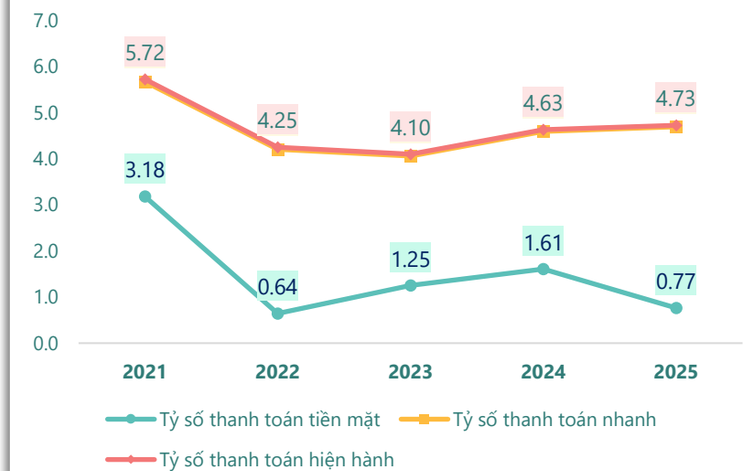
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



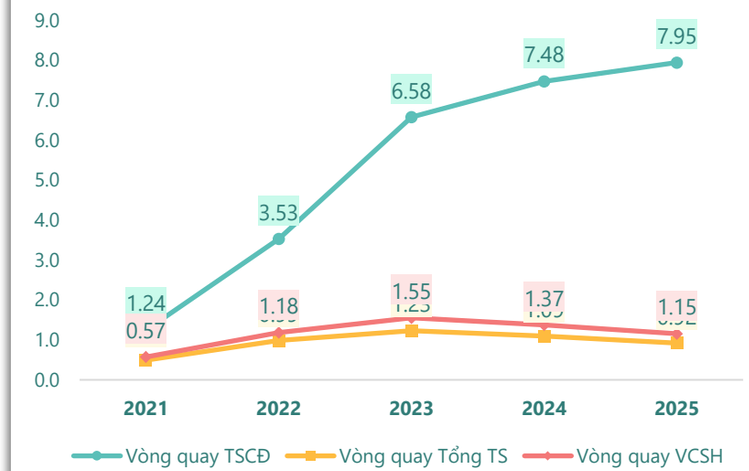
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



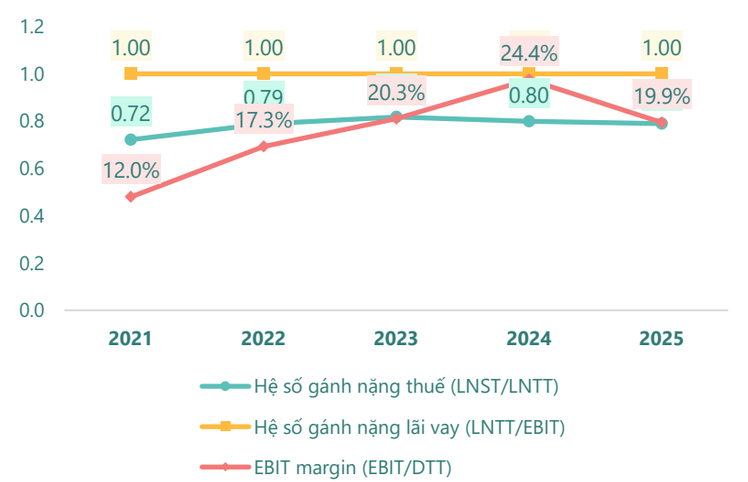
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



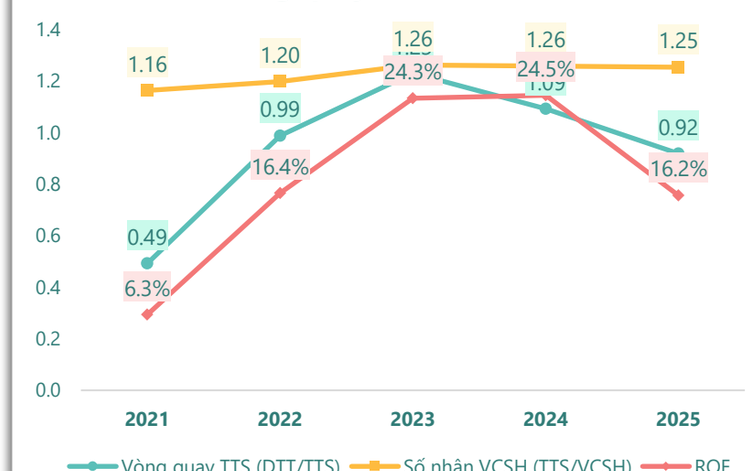
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



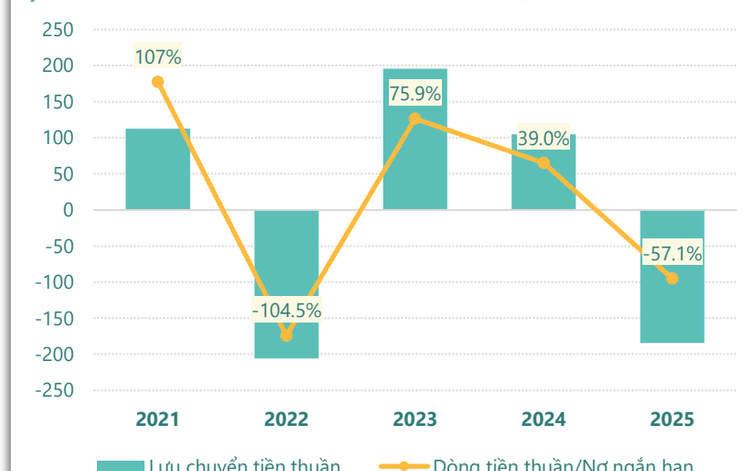
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**356**	**390**	**-8.8%**	**1,481**	**1,518**	**-2.5%**
Giá vốn hàng bán	280	265	5.8%	1,054	1,022	3.2%
Lợi nhuận gộp	75.5	125	-39.6%	427	496	-14.1%
Doanh thu HĐTC	15.1	20.6	-26.5%	63.4	45.2	40.3%
Chi phí TC	2.65	0.70	279%	4.99	3.15	58.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**29.1**	**39.3**	**-25.9%**	**192**	**170**	**13.0%**
LN thuần từ HĐKD	58.9	105	-43.9%	293	369	-20.5%
Lợi nhuận khác	**0.12**	**0.24**	**-50.6%**	**0.68**	**1.65**	**-58.6%**
LN trước thuế	59.0	106	-44.4%	294	370	-20.6%
Lợi nhuận sau thuế	**47.2**	**84.5**	**-44.2%**	**232**	**296**	**-21.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**42.6**	**76.8**	**-44.6%**	**208**	**271**	**-23.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	153	160	114	73.5	-11.8	-77.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-230	-31.5	-122	-31.8	-139	34.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-83.8	0	0	71.3	-12.9	-83.8
Tiền đầu kỳ	472	295	432	428	539	376
Lưu chuyển tiền thuần	**-161**	**128**	**-7.63**	**113**	**-164**	**-126**
Ảnh hưởng tỷ giá	-16.0	9.45	3.45	-2.61	0.65	-2.07
Tiền cuối kỳ	295	432	428	539	376	247

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,733**	**1,490**	**16.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,528	1,246	22.6%
Tiền và tương đương tiền	247	432	-42.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	828	597	38.7%
Phải thu ngắn hạn	416	199	109%
Hàng tồn kho	11.2	10.8	3.6%
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	7.00	268%
Tài sản dài hạn	**205**	**243**	**-15.9%**
Phải thu dài hạn	1.23	30.4	-95.9%
Tài sản cố định	177	196	-9.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.03	0.84	852%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**18.5**	**16.5**	**12.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	360	293	22.8%
Nợ ngắn hạn	**323**	**269**	**20.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	32.3	45.5	-29.1%
Nợ dài hạn	36.8	24.2	52.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,373**	**1,196**	**14.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,373**	**1,196**	**14.7%**
Vốn điều lệ	336	336	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)